

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21-5-2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Xoa

2. Ông Nguyễn Văn Sanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Linh Phương, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Hiếu – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2019, Thông báo về việc hoãn phiên tòa số 130/TB-TA ngày 16 tháng 4 năm 2020 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 04/TB-TA ngày 29 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị T** – Sinh năm 19xx (có mặt)

* *Bị đơn:* Ông **Phạm Đình H** – Sinh năm 19yy (vắng mặt không có lý do)

Cùng địa chỉ: Đường Đ, phường P, quận C, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà và ông Phạm Đình H kết hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện E, tỉnh Quảng Nam trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng thuê nhà sống tại Đà Nẵng, cách đây 5 năm vợ chồng chuyển đến sống tại nhà thuê tại đường Đ, phường P, quận C, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về tính tình và quan điểm sống, ông H thường có lời nói và thái độ xúc phạm bà cũng như gia đình bà khiến bà không thể tha thứ được; trách nhiệm với gia đình lúc có lúc không, từ đầu năm 2020 đến nay

ông H không đưa tiền cho bà nuôi con. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Từ năm 2018 đến nay vợ chồng bà mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến nhau. Tại phiên tòa, bà T xác định hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Bà T yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Đình H.

- Về con chung: Bà T xác định vợ chồng có 02 con chung là Phạm Hoài G, sinh ngày 22/8/20xy và Phạm Bảo N, sinh ngày 05/12/20yx. Bà T có nguyện vọng được nuôi cả hai con và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng/02 con (1.500.000 đồng/tháng/con).

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Phạm Đình H tham gia tố tụng để giải quyết vụ án nhưng ông H đều vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến nên không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn là ông Phạm Đình H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về việc ly hôn với ông Phạm Đình H; giao 02 con chung cho bà T nuôi dưỡng và buộc ông H cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của nguyên đơn; tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là ông Phạm Đình H có nơi cư trú tại quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng nên vụ án do Tòa án nhân dân quận Hải Châu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn là ông Phạm Đình H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Đình H tự nguyện kết hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện E, tỉnh Quảng Nam (Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 01/2007 ngày 05/02/2007). Hôn nhân giữa bà T và ông H đảm bảo các điều kiện cũng như thủ tục theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị T kiên quyết xin ly hôn với ông Phạm Đình H. Căn cứ vào lời trình bày của đương sự, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Trong quá trình chung sống, do có nhiều bất đồng, thiếu sự tôn trọng nhau nên giữa bà T và ông H đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017, dẫn đến vợ chồng không còn quan tâm và yêu thương nhau. Mâu thuẫn ngày càng gay gắt và không khắc phục được. Điều này chứng minh tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nguyễn Thị T xin ly hôn là có căn cứ. Mặt khác, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Phạm Đình H đến để hòa giải nhưng ông H vẫn vắng mặt chứng tỏ ông H không tha thiết níu kéo cuộc hôn nhân này. Vì vậy, Tòa án căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T.

[2.2] *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị T xác định bà và ông Phạm Đình H có 02 con chung là Phạm Hoài G, sinh ngày 22/8/20xy và Phạm Bảo N, sinh ngày 05/12/20yx. Khi ly hôn, bà T có nguyện vọng được nuôi cả hai con. Tòa án xét thấy: Hai cháu Phạm Hoài G và Phạm Bảo N đều là con gái và có nguyện vọng được sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Do đó, Tòa án quyết định giao cả 02 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, phù hợp với nguyện vọng của con chung, đảm bảo cho các con chung có cuộc sống ổn định để học tập và phát triển toàn diện.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, bà T yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng/02 con (1.500.000 đồng/tháng/con). Tòa án xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”*. Do đó, yêu cầu này của bà T là có cơ sở, mức cấp dưỡng đưa ra phù hợp với quy định pháp luật, đảm bảo được nhu cầu thiết yếu của con chung nên Tòa án chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng này của bà T.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Nguyễn Thị T xác định vợ chồng không có nên không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà Nguyễn Thị T phải chịu.

- Án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng ông Phạm Đình H phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với ông Phạm Đình H.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Phạm Đình H.

2. Về con chung:

- Giao 02 con chung là Phạm Hoài G, sinh ngày 22/8/20xy và Phạm Bảo N, sinh ngày 05/12/20yx cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

- Ông Phạm Đình H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng/02 con (1.500.000 đồng/tháng/con). Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tính từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Phạm Đình H chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì ông Phạm Đình H phải trả lãi đối với số tiền chậm trả với lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Sau khi ly hôn, các bên đương sự vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Bên không nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị T xác định không có nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà Nguyễn Thị T phải chịu, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0008667 ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí.

- Án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng ông Phạm Đình H phải chịu.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Phạm Đình H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng

cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Thu Thảo